BỘ Y TẾ

BỆNH VIỆN BẠCH MAI

TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ BẠCH MAI

BÁO CÁO

KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH / NGHỀ ĐIỀU DƯỠNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG

NĂM 2022

Hà Nội, tháng 12 năm 2022

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

BGH:	Ban Giám Hiệu
BCH:	Ban Chấp hành
CBVC:	Cán bộ viên chức
CT - CTSV:	Chính trị - Công tác sinh viên
CĐYT:	Cao đẳng Y tế
QĐ:	Quyết định
ĐTNCSHCM:	Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh
ĐT - QLKH:	Đào tạo - Quản lý khoa học
GV:	Giáo viên
HĐKĐCLGD:	Hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục
KHCN:	Khoa học công nghệ
NCKH:	Nghiên cứu khoa học
HSSV:	Học sinh, sinh viên
TC - HC:	Tổ chức - Hành chính
TCCN:	Trung cấp chuyên nghiệp

PHẦN I. GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ BẠCH MAI

1. Thông tin chung về Trường Cao đẳng y tế Bạch Mai

- Tên trường: Trường Cao đẳng Y tế Bạch Mai
- Tên Tiếng Anh: Bach Mai Medical College
- Cơ quan chủ quản: Bệnh viện Bạch Mai, Bộ Y tế
- Địa chỉ trường: *Trụ sở chính:* Bệnh viện Bạch Mai, số 78 đường Giải Phóng, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
- Số điện thoại: 0243.8685651
- Email: cdytbachmai@gmail.com
- Website: bmmc.edu.vn
- Năm thành lập trường:
  - Năm thành lập đầu tiên: 1968
  - Năm nâng cấp thành trường Trung cấp Y tế Bạch Mai: 2007
  - Năm nâng cấp thành trường Cao đẳng Y tế Bạch Mai: 2013
- Loại hình trường: Công lập

2. Khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật

Trường CĐYT Bạch Mai là một mô hình có tính chất đặc thù "Trường nằm trong Bệnh viện". Giám đốc Bệnh viện là Hiệu trưởng nhà trường. Cơ sở thực hành của Trường là các phòng thực hành tiền lâm sàng tại Trường và các Viện, Trung tâm, Khoa lâm sàng, các phòng chức năng của Bệnh viện Bạch Mai.

Đội ngũ giáo viên có trình độ chuyên môn cao, giàu kinh nghiệm trong giảng dạy và thực hành lâm sàng, luôn có sự phối kết hợp chặt chẽ giữa Nhà trường và Bệnh viện.

Lịch sử phát triển nhà trường:

- Ngày 3 tháng 9 năm 1968, Quyết định số 526/BYT - QĐ của Bộ trưởng Bộ Y tế, cho phép Bệnh viện Bạch Mai mở Lớp Kỹ thuật viên theo hình thức tập trung dài hạn, chuyên tu và tại chức để đào tạo Kỹ thuật viên, cung cấp cho nhu cầu của các Bệnh viện trung ương và địa phương.

- Ngày 6 tháng 7 năm 1978, Bộ trưởng Bộ Y tế đã có Quyết định số 775/BYT - QĐ, cho phép thành lập Lớp Y tá trung học y dược, thuộc Bệnh viện Bạch Mai: đào tạo 300 học sinh y tá/ năm.

- Ngày 10 tháng 12 năm 2007, Bộ trưởng Bộ Y tế có Quyết định số 5027/ QĐ - BYT, cho phép thành lập Trường Trung cấp Y tế Bạch Mai, trực thuộc Bệnh viện Bạch Mai.

- Ngày 20 tháng 8 năm, 2013, Trường Cao đẳng Y tế Bạch Mai được nâng cấp trên cơ sở trường Trung cấp Y tế Bạch Mai theo quyết định số 3168/QĐ ngày 20/08/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Những thành tích nổi bật:

- Huân chương Lao động hạng 3 của Chủ tịch nước.

- Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.

- Bằng khen, giấy khen của Bộ Y tế, UBND các tỉnh, Bệnh viện Bạch Mai.

3. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của cơ sở giáo dục nghề nghiệp

3.1. Cơ cấu tổ chức

- Ban Giám hiệu.

- 03 phòng chức năng: Đào tạo, Đảm bảo chất lượng - Công tác học sinh sinh viên, Hành chính tổng hợp.

- 05 khoa chuyên môn: Khoa học cơ bản, Y học cơ sở, Điều dưỡng, Kỹ thuật y học, Y học lâm sàng.

- Các tổ chức đảng, đoàn thể: chi bộ Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên.

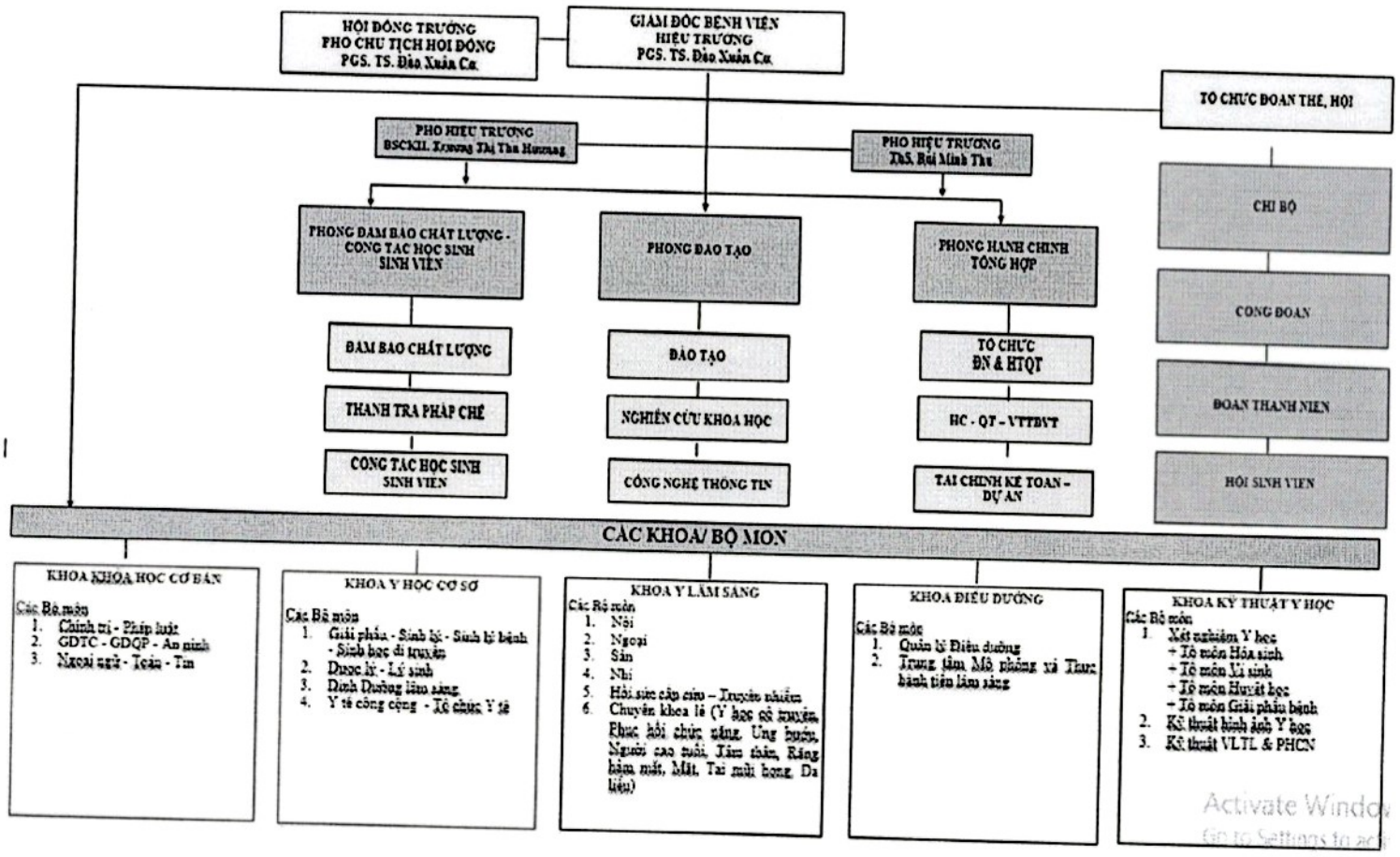

3.2. Cán bộ, nhân viên trong trường

Tổng số giảng viên của Trường là 636 giảng viên, trong đó:

- Cơ hữu: 585 (biên chế: 34 giảng viên, kiêm nhiệm: 551 giảng viên)
- Thỉnh giảng: 51 giảng viên

Trình độ của giảng viên:

Trình độ đào tạo	**Tổng số**
Giáo sư	1
Phó giáo sư	16
Tiến sĩ, chuyên khoa II	89
Thạc sĩ, chuyên khoa I	252
Bác sĩ, Cử nhân, Dược sĩ,…:	279
Tổng số	**636**

4. Nghề đào tạo và quy mô đào tạo

Quy mô đào tạo các ngành, nghề tính theo số HSSV

	Năm thứ 1	Năm thứ 2	Năm thứ 3	Tổng
Cao đẳng Chính quy	583	629	628	1840
Điều dưỡng	453	483	537	1473
KT Xét nghiệm Y học	44	56	28	128
KT Hình ảnh Y học	39	44	31	114
KT VLTL và PHCN	47	46	32	125
Sơ cấp	52	-	-	52
Thư ký Y khoa	52	-	-	52
Tổng	**635**	**629**	**628**	**1892**

5. Thông tin về Chương trình đào tạo

Tên ngành, nghề đào tạo: Điều dưỡng

Mã ngành, nghề: 6720501

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Học sinh đã tốt nghiệp THPT/ tương đương

Thời gian đào tạo: 3 năm học

5.1. Mục tiêu đào tạo

5.1.1.Mục tiêu chung

Đào tạo người điều dưỡng trình độ cao đẳng đáp ứng được Chuẩn năng lực cơ bản của Điều dưỡng viên Việt Nam; Có phẩm chất đạo đức, có thái độ đúng đắn, hành nghề theo pháp luật; Có kiến thức khoa học cơ bản, có kiến thức và kỹ năng về chuyên môn nghiệp vụ để đáp ứng được nhiệm vụ chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ nhân dân; Hành nghề theo tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp; Có khả năng tham gia tổ chức và quản lý các hoạt động Điều dưỡng,

nghiên cứu khoa học; Có khả năng làm việc trong môi trường hội nhập quốc tế, tự hoàn thiện bản thân và học tập suốt đời.

5.1.2. Chuẩn đầu ra (CĐR)

CĐR 1. Tuân thủ các quy định của pháp luật và tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp để thiết lập được môi trường làm việc an toàn, cải tiến chất lượng chăm sóc và giảm thiểu rủi ro trong môi trường chăm sóc. **(CNL 20, 21, 24, 25).**

CĐR 2. Áp dụng sự hiểu biết về khoa học cơ bản, y học cơ sở và chuyên ngành để xác định tình trạng sức khỏe và nhu cầu chăm sóc sức khỏe của các cá nhân, gia đình và cộng đồng. **(CNL 1).**

CĐR 3. Áp dụng quy trình điều dưỡng vào chăm sóc người bệnh thông qua việc xác định nhu cầu chăm sóc, các vấn đề ưu tiên, ra quyết định chăm sóc phù hợp. Thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản, phục hồi chức năng đúng quy trình; đảm bảo chăm sóc liên tục, an toàn, hiệu quả, tôn trọng tính cá biệt của người bệnh. **(CNL 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 15).**

CĐR 4. Nhận định đúng, kịp thời để thực hiện được sơ cứu, cấp cứu hiệu quả khi có tình huống cấp cứu tại cơ sở y tế và cộng đồng. **(CNL 9, 15).**

CĐR 5. Hợp tác với các thành viên trong nhóm; Sử dụng được các kỹ năng giao tiếp, các phương tiện truyền thông phù hợp để thiết lập mối quan hệ, giao tiếp có hiệu quả, cung cấp các thông tin về sức khỏe; Giáo dục sức khỏe cho người bệnh, gia đình và cộng đồng. **(CNL 10, 11,12,13, 14, 15).**

CĐR 6. Tham gia quản lý công tác chăm sóc người bệnh, quản lý hồ sơ bệnh án, môi trường chăm sóc, thiết bị y tế và các nguồn lực khác để chăm sóc người bệnh an toàn, chất lượng, hiệu quả và hài lòng. **(CNL 16, 17, 18, 19).**

CĐR 7. Tham gia nghiên cứu khoa học, thực hành dựa vào bằng chứng, áp dụng cải tiến chất lượng trong chăm sóc người bệnh. **(CNL 22).**

CĐR 8. Thể hiện/Chứng minh được tính tích cực học tập, cập nhật thông tin nhằm duy trì và phát triển chuyên môn cho bản thân và đồng nghiệp trên cơ sở có tư duy phản biện/phê phán. **(CNL 23).**

CĐR 9. Rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm, làm việc độc lập, kỹ năng thuyết trình. Sử dụng tốt công nghệ thông tin và ngoại ngữ để áp dụng cho học tập. Quản lý thời gian, tự tin phát biểu trong môi trường học tập.

5.1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Người có bằng tốt nghiệp ngành điều dưỡng trình độ cao đẳng có thể làm việc ở các bệnh viện, các cơ sở chăm sóc sức khoẻ từ Trung ương tới cơ sở, các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp và tham gia vào hội nhập thị trường lao động quốc tế.

5.2. Khối lượng kiến thức và thời lượng khóa học

- Tổng số mô đun/ môn học: 06 môn học chung; 24 Mô đun bắt buộc; 01 mô đun thực tế tốt nghiệp.
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 100 Tín chỉ (không kể môn GDTC và GDQP)
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 330 giờ (Lý thuyết 150; thực hành 180, không kể môn GDTC và GDQP)
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 2655 giờ, trong đó
  + Khối lượng lý thuyết: 570 giờ;
  + Khối lượng thực hành, thực tập: 2085 giờ;
  (Thực hành: 600, Thực tập bệnh viện: 1485 giờ)
- Tổng số giờ giảng: 2985 trong đó lý thuyết 720; thực hành thực tập 2265 (75,88%)

5.3. Nội dung chương trình:

STT	MÔ ĐUN/MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
		Tổng	LT	TH, TN, TL, BT	LS
I	MÔ ĐUN/MÔN HỌC HỌC CHUNG	16	10	6	0
1	Chính trị	5	4	1	0
2	Giáo dục thể chất				
3	Pháp luật và Tổ chức y tế	3	2	1	0
4	Giáo dục An ninh Quốc phòng				
5	Tin học	3	1	2	0
6	Ngoại ngữ	5	3	2	0
II	MÔ ĐUN/ MÔN HỌC CHUYÊN MÔN	87	38	20	29
II.1	Mô đun/môn học cơ sở	21	12	9	0
1.	Mô đun 1: Cấu tạo và chức năng cơ thể người:	5	4	1	0

STT	MÔ ĐUN/MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
		Tổng	LT	TH, TN, TL, BT	LS
	Hóa - Hóa sinh				
	Vật lý- Lý sinh				
	Dinh dưỡng: nguồn gốc, vai trò				
	Sinh học & Di truyền				
	Giải phẫu và Sinh lý đại cương				
2.	**Mô đun 2: Đại cương sự hình thành bệnh tật và quá trình phục hồi.**	**4**	**4**	**0**	**0**
	Sinh lý bệnh				
	Vi ký sinh				
	Dược lý				
	Dinh dưỡng với quá trình phục hồi				
3.	**Mô đun 3: Y đức, giao tiếp và GDSK trong TH điều dưỡng**	**3**	**2**	**1**	**0**
	Tâm lý NB				
	Y đức				
	Giao tiếp và thực hành điều dưỡng				
	GDSK và thực hành điều dưỡng				
4.	**Mô đun 4: Điều dưỡng cơ sở ngành**	**3**	**2**	**1**	**0**
	Đại cương ngành điều dưỡng				
	Kiểm soát nhiễm khuẩn				
5.	**Mô đun 5: Kỹ thuật điều dưỡng**	**6**	**0**	**6**	**0**
II.2	**Mô đun/môn học chuyên môn**	**66**	**26**	**11**	**28**
6.	**Mô đun 6:CSSK người lớn nội khoa 1**	**5**	**4**	**1**	**0**
	1. Chăm sóc sức khỏe người bệnh hệ Hô hấp				
	2. Chăm sóc sức khỏe người bệnh hệ Tiêu hóa				
	3. Chăm sóc sức khỏe người bệnh hệ Tim mạch				

STT	MÔ ĐUN/MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
		Tổng	LT	TH, TN, TL, BT	LS
	4. Chăm sóc sức khỏe người bệnh hệ Huyết học				
7.	**Mô đun 7:CSSK người lớn nội khoa 2**				
	1. Chăm sóc sức khỏe người bệnh hệ Thận - tiết niệu				
	2. Chăm sóc sức khỏe người bệnh hệ Nội tiết				
	3. Chăm sóc sức khỏe người bệnh hệ Thần kinh				
	4. Chăm sóc sức khỏe người bệnh hệ Cơ xương khớp				
8.	**Mô đun 8: TT BV Điều dưỡng cơ sở**	**2**	**0**	**0**	**2**
9.	**Mô đun 9: TT BV CSSK người lớn nội khoa 1** (Hệ tuần hoàn; máu và miễn dịch; hệ hô hấp; hệ tiêu hóa; y học cổ truyền)	**4**	**0**	**0**	**4**
10.	**Mô đun 10: TT BV CSSK người lớn nội khoa 2** (Hệ vận động; hệ thần kinh; hệ tiết niệu; hệ nội tiết, phục hồi chức năng, tâm thần, ung bướu).	**4**	**0**	**0**	**4**
11.	**Mô đun 11:CSSK người lớn hệ ngoại**	**4**	**2**	**2**	**0**
12.	**Mô đun12: Thực tập BV CSSK người lớn hệ ngoại.**	**4**	**0**	**0**	**4**
13.	**Mô đun 13: CSSK sinh sản, bà mẹ và trẻ sơ sinh**:	**3**	**2**	**1**	**0**
14.	**Mô đun 14: CSSK trẻ em**	**3**	**2**	**1**	**0**
15.	**Mô đun 15: TTBV CSSK sinh sản, bà mẹ và trẻ sơ sinh**	**2**	**0**	**0**	**2**
16.	**Mô đun 16: TTBV CSSK trẻ em**	**2**	**0**	**0**	**2**
17.	**Mô đun 17: CSNB Cấp cứu, HSTC và truyền nhiễm**	**3**	**3**	**0**	**0**
	CSNB Cấp cứu, HSTC				
	Truyền nhiễm				

STT	MÔ ĐUN/MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
		Tổng	LT	TH, TN, TL, BT	LS
18.	**Mô đun 18: TTBV Cấp cứu, HSTC và truyền nhiễm**	**3**	**0**	**0**	**3**
19.	**Mô đun 19: Dịch tễ & CSSK cộng đồng**	**3**	**3**	**0**	**0**
	Dịch tễ				
	Sức khỏe môi trường				
	Hành vi SK và nâng cao SK				
	Điều dưỡng cộng đồng				
20.	**Mô đun 20: Quản lý ĐD và NCĐD**	**4**	**2**	**2**	**0**
	Quản lý Điều dưỡng				
	Thống kê y học và NC điều dưỡng				
21.	**Mô đun 21: CSSK người cao tuổi**	**2**	**1**	**1**	**0**
22.	**Mô đun 22: Y học cổ truyền**	**2**	**2**	**0**	**0**
23	**Mô đun 23: CSNB Ung bướu và tâm thần**	**2**	**2**	**0**	**0**
	CSNB Ung bướu				
	CSNB tâm thần				
24	**Mô đun 24: CSNB Phục hồi chức năng; TMH, RHM, Mắt, Da liễu**	**2**	**2**	**0**	**0**
	CSNB Phục hồi chức năng				
	CSNB Tai Mũi Họng				
	CSNB Răng Hàm Mặt				
	CSNB Mắt				
	CSNB Da liễu				
III	**THỰC TẾ NGÀNH VÀ TỐT NGHIỆP**	**5**	**0**	**0**	**5**
	- Thực tế tốt nghiệp	**5**	0	0	5
	TỔNG CỘNG	**100**	**48**	**26**	**26**

PHẦN II. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ BẠCH MAI

1. Đặt vấn đề

Chất lượng trường cao đẳng là một nhân tố quyết định sự tồn tại và phát triển lâu dài của nhà trường. Trong xu thế phát triển và hội nhập của đất nước, với những đòi hỏi về cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cao, việc nâng cao chất lượng đào tạo ngày càng trở nên cấp thiết. Nhận thức được tầm quan trọng này, trong những năm qua, Trường Cao đẳng y tế Bạch Mai đã luôn quan tâm đến chất lượng và đã áp dụng nhiều biện pháp để đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo. Tự đánh giá là một khâu quan trọng trong quá trình đảm bảo chất lượng và xây dựng văn hóa chất lượng bên trong nhà trường.

Sự cần thiết của hoạt động tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo là một hoạt động không thể thiếu của các cơ sở đào tạo, điều này càng trở nên quan trọng khi Việt Nam tham gia hội nhập kinh tế quốc tế thì chất lượng nguồn nhân lực là vũ khí cạnh tranh quan trọng nhất. Các cơ sở đào tạo hàng năm cung cấp một tỷ lệ lớn cho nguồn nhân lực đào tạo của quốc gia. Để đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao thì cần phải có các yếu tố đầu vào và các điều kiện đảm bảo trong quá trình đào tạo như: Cơ sở vật chất kỹ thuật, trang thiết bị thực hành, thực tập đáp ứng được nhu cầu dạy và học; nội dung chương trình, tài liệu giảng dạy phù hợp; đội ngũ nhà giáo đạt chuẩn và có trình độ tay nghề cao.

Trong thời gian vừa qua, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đã quan tâm đến chất lượng đào tạo, tổ chức xây dựng điều chỉnh chương trình dạy nghề gắn liền với các yêu cầu của doanh nghiệp, yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Cơ sở vật chất - hạ tầng kỹ thuật của các cơ sở cũng đã được tăng cường, đổi mới đáng kể. Đội ngũ Cán bộ, nhà giáo được đào tạo và bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề… Tuy nhiên, các hoạt động nói trên phần nào còn mang tính chủ quan và chưa mang lại những kết quả rõ rệt trong việc nâng cao năng lực dạy nghề. Một trong những nguyên nhân của tình trạng này là do chưa theo định hướng, yêu cầu của hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn có tính khoa học về đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.

Vì vậy, để đảm bảo và nâng cao chất lượng chương trình đào tạo, các cơ sở GDNN cần phải tiến hành tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo công văn số 454/TCGDNN- ĐCL ngày 25 tháng 03 năm 2019 của Bộ Lao động - Thương binh Xã hội - Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn KĐCL Chương trình đào tạo trình độ Sơ cấp, Trung cấp, Cao đẳng.

2. Tổng quan chung

2.1. Căn cứ tự đánh giá

Thực hiện Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Bạch Mai đã có quyết định số 158/2019/QĐ-CĐYT ngày 30/8/2019 về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá.

Căn cứ để tiến hành kiểm định là Thông tư số: 15/2017/TT-BLĐTBXH 08/06/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh xã hội quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp. Thành phần Hội đồng Đảm bảo chất lượng gồm 19 thành viên, đồng chí Hiệu trưởng là Chủ tịch Hội đồng, các Ủy viên là lãnh đạo các đơn vị, Khoa/Phòng trong Bệnh viện Bạch Mai và Nhà trường.

2.2. Mục đích tự đánh giá

Báo cáo tự đánh giá tổng hợp kết quả đánh giá toàn diện các hoạt động, nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động của Trường; khẳng định những mặt làm được cần duy trì, phát huy; đề xuất phương hướng khắc phục những tồn tại, thiếu sót nhằm không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH của trường. Đồng thời, Báo cáo tự đánh giá cũng là điều kiện để các cơ quan đánh giá ngoài tiến hành kiểm định. Kiểm định để tự khẳng định và để được công nhận đạt chuẩn chất lượng.

2.3. Yêu cầu tự đánh giá

Đánh giá tổng thể các hoạt động của Trường theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trong Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 06 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ LĐ - TBXH quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

2.4. Phương pháp tự đánh giá

Quá trình tự đánh giá được thực hiện theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí của Bộ tiêu chuẩn KĐCL các trường cao đẳng.

Với mỗi tiêu chuẩn, trường xem xét theo trình tự sau:

- Mô tả thực trạng;

- Cho điểm tự đánh giá.

2.5. Các bước tiến hành đánh giá

- Họp Lãnh đạo nhà trường để thảo luận mục đích, phạm vi, thời gian biểu và ra quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá

- Xây dựng kế hoạch tự đánh giá nhà trường

- Tiến hành tự đánh giá: Thu thập số liệu, minh chứng

- Phân tích, lý giải các kết quả đạt được

- Viết báo cáo tự đánh giá

- Họp Hội đồng tự đánh giá để thông qua đề cương chi tiết báo cáo tự đánh giá

- Công bố báo cáo tự đánh giá trong nội bộ nhà trường và thu thập các ý kiến đóng góp.

- Xử lý các ý kiến đóng góp và hoàn thiện bản báo cáo tự đánh giá.

- Công bố bản báo cáo tự đánh giá đã hoàn thiện.

- Gửi báo cáo về Sở LĐTB-XH Hà Nội, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Bộ, Sở LĐTB-XH, Cục Khoa học Công nghệ và Đào tạo Bộ Y tế.

3. Tự đánh giá

3.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá
	ĐỀ XUẤT KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC		Đạt
	Tổng điểm	**100**	**94**
1	**Tiêu chí 1 - Mục tiêu, quản lý và tài chính**		
	1. Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.	2	2

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá
	2. Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo.	2	2
	3. Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.	2	2
	Tiêu chí 2 - Hoạt động đào tạo		
	1. Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.	2	2
	2. Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định.	2	2
	3. Tiêu chuẩn 3: Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.	2	2
	4. Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	2	2
	5. Tiêu chuẩn 5: Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng	2	2

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá
	theo quy định.		
	6. Tiêu chuẩn 6: Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.	2	2
	7. Tiêu chuẩn 7: Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định.	2	2
	Tiêu chí 3 - Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên		
	1. Tiêu chuẩn 1: 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	0
	2. Tiêu chuẩn 2: Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2	2
	3. Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.	2	2
	4. Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.	2	0
	5. Tiêu chuẩn 5: Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.	2	2
	Tiêu chuẩn 6: 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.	2	2
	7. Tiêu chuẩn 7: 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	2
	8. Tiêu chuẩn 8: Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2	2
	Tiêu chí 4 - Chương trình, giáo trình		
	1. Tiêu chuẩn 1: Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	2

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá
	2. Tiêu chuẩn 2: Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo.	2	2
	3. Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp.	2	2
	4. Tiêu chuẩn 4: Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.	2	2
	5. Tiêu chuẩn 5: Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo.	2	2
	6. Tiêu chuẩn 6: Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	2
	7. Tiêu chuẩn 7: Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ.	2	2
	8. Tiêu chuẩn 8: Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.	2	2
	9. Tiêu chuẩn 9: Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	2
	10. Tiêu chuẩn 10: 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	2
	11. Tiêu chuẩn 11: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình	2	2

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá
	phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.		
	12. Tiêu chuẩn 12: Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	2
	Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện		
	1. Tiêu chuẩn 1: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.	2	2
	Tiêu chuẩn 2: Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.	2	2
	Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo.	2	2
	4. Tiêu chuẩn 4: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.	2	2
	5. Tiêu chuẩn 5: Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.	2	2
	6. Tiêu chuẩn 6: Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.	2	2
	7. Tiêu chuẩn 7: Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.	2	0

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá
	8. Tiêu chuẩn 8: Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy.	2	2
	Tiêu chí 6 - Dịch vụ cho người học		
	1. Tiêu chuẩn 1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.	2	2
	2. Tiêu chuẩn 2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập.	2	2
	3. Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.	2	2
	4. Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.	2	2
	Tiêu chí 7 - Giám sát, đánh giá chất lượng		
	1. Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	2
	2. Tiêu chuẩn 2: Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.	2	2
	3. Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu	2	2

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Tự đánh giá
	50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.		
	4. Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học.	2	2
	5. Tiêu chuẩn 5: Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định.	2	2
	6. Tiêu chuẩn 6: Hàng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).	2	2
	7. Tiêu chuẩn 7: Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	2	2
	8. Tiêu chuẩn 8: Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.	2	2

PHẦN III. TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG

Với sự cam kết và quyết tâm đổi mới từ Giám đốc Bệnh viện - Hiệu trưởng nhà trường đến toàn thể cán bộ lãnh đạo các Viện/Trung tâm/Khoa/Phòng Bệnh viện Bạch Mai cũng như toàn thể đội ngũ cán bộ giảng viên Nhà trường và mạng lưới đào tạo điều dưỡng của Bệnh viện Bạch Mai. Trường cam kết đảm bảo chất lượng đào tạo thông qua các hoạt động theo hướng tiếp cận dựa trên năng lực, mô hình đổi mới và cách thức triển khai để khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng, hoàn thành sứ mệnh, tầm nhìn của Trường.

Cùng với việc xây dựng và triển khai thực hiện chương trình đào tạo, hoạt động đánh giá chương trình đào tạo (CTĐT) được thực hiện liên tục theo từng hoạt động của chương trình để kịp thời phản hồi và sửa đổi CTĐT mang tính cập nhật liên tục. Đồng thời liên tục xây dựng, đào tạo đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất để thực hiện được CTĐT mang tính chất lâu dài và bền vững. Hàng năm, Trường sẽ đánh giá hiệu quả chương trình để điều chỉnh, đổi mới các nội dung chưa phù hợp, cam kết đào tạo chất lượng, phù hợp với nhu cầu xã hội và hội nhập quốc tế.

Hà Nội, ngày 09 tháng 02 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ BẠCH MAI

PGS.TS. Đào Xuân Cơ

Phụ lục 1

Quyết định thành lập hội đồng đảm bảo chất lượng

BỆNH VIỆN BẠCH MAI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ BẠCH MAI

Số: 63 /QĐ-CĐYTBM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thành lập Hội đồng bảo đảm chất lượng

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ BẠCH MAI

Căn cứ Quyết định số 3168/QĐ-BGD&ĐT ngày 20 tháng 08 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập trường Cao đẳng Y tế Bạch Mai trên cơ sở trường Trung cấp Y tế Bạch Mai;

Căn cứ Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành thông tư quy định về Điều lệ trường cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 1668/QĐ-BVBM ngày 01 tháng 07 năm 2020 của Giám đốc Bệnh viện Bạch Mai về quy chế tổ chức hoạt động của Trường Cao đẳng Y tế Bạch Mai;

Căn cứ Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng bảo đảm chất lượng trường Cao đẳng Y tế Bạch Mai gồm các Ông (Bà) có tên sau đây *(danh sách kèm theo)*.

Điều 2. Hội đồng bảo đảm chất lượng trường Cao đẳng Y tế Bạch Mai có trách nhiệm hoạt động theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, ban hành. Các ông (bà) có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- BGH (để báo cáo);
- Như điều 1;
- Lưu: KT-ĐBCL, VPT.

PHỤ TRÁCH TRƯỜNG

TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y BẠCH MAI

Đào Xuân Cơ

BỆNH VIỆN BẠCH MAI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ BẠCH MAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ BẠCH MAI

(Kèm theo Quyết định số 63 /QĐ-CĐYTBM ngày 24 tháng 03 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế Bạch Mai)

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	PGS.TS. Đào Xuân Cơ	Phó Giám đốc Bệnh viện Phụ trách Trường	Chủ tịch Hội đồng
2	ThS. Bùi Minh Thu	Phó Hiệu trưởng	P.Chủ tịch Hội đồng
3	BSCKII. Trương Thị Thu Hương	Phó Hiệu trưởng	P.Chủ tịch Hội đồng
4	PGS.TS. Lương Tuấn Khanh	Giám đốc Trung tâm Phục hồi chức năng Trưởng khoa Kỹ thuật Y học	Ủy viên
5	TS. Nguyễn Tuấn Tùng	Giám đốc Trung tâm Huyết học và Truyền máu Phó trưởng khoa Kỹ thuật Y học	Ủy viên
6	PGS. TS. Vũ Đăng Lưu	Giám đốc Trung tâm Điện quang Phó trưởng khoa Kỹ thuật Y học	Ủy viên
7	ThS. Đàm Thị Thu Hằng	Phó trưởng khoa Dược Trưởng khoa Y học cơ sở	Ủy viên
8	TS. Bùi Tuấn Anh	Trưởng khoa Hóa sinh Trưởng Tổ môn Hóa sinh	Ủy viên
9	ThS. Trương Thái Phương	Trưởng khoa Vi sinh Trưởng Tổ môn Vi sinh	Ủy viên
10	TS. Đỗ Thị Hồng Loan	Chủ tịch Công đoàn Trưởng khoa Khoa học cơ bản	Ủy viên
11	CN. Vương Đại Lâm	Trưởng phòng Công tác học sinh sinh viên	Ủy viên
12	ThS. Vũ Đình Tiến	Phó trưởng khoa Điều dưỡng	Ủy viên
13	ThS. Nguyễn Hoàng Chính	Phó trưởng phòng Khảo thí-Đảm bảo chất lượng	Ủy viên thư ký
14	ThS. Trần Hoàng Hiệp	Phó trưởng phòng Đào tạo	Ủy viên
15	ThS. Vũ Thị Ngọc Nữ	Bộ phận Tài chính kế toán	Ủy viên
16	ThS. Nguyễn Thị Thúy Tuyết	Trưởng bộ phận Khảo thí	Ủy viên
17	CN. Trần Thị Vân	Giáo vụ khoa Kỹ thuật y học	Ủy viên
18	ThS. Phùng Quốc Điệp	Giáo vụ khoa Y học cơ sở	Ủy viên
19	ThS. Đỗ Thị Thanh Vân	Bí thư Đoàn thanh niên	Ủy viên

Phụ lục 2
Kế hoạch tự đánh giá

BỆNH VIỆN BẠCH MAI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ BẠCH MAI
Số: 47 /KH-CĐYTBM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 07 tháng 07 năm 2022

KẾ HOẠCH
Thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp năm 2022

1. Mục đích tự đánh giá

- Nâng cao nhận thức của cán bộ, giáo viên, nhân viên và các bên liên về tầm quan trọng của công tác tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp, qua đó huy động tất cả các cơ quan, đơn vị trong toàn trường cùng thực hiện công tác tự đánh giá.

- Tự đánh giá tất cả các hoạt động của nhà trường căn cứ theo Thông tư số 15/2017/TT - BLĐTBXH, từ đó điều chỉnh mục tiêu cho giai đoạn tiếp theo theo hướng cao hơn.

- Là điều kiện cần thiết để nhà trường đăng ký đánh giá ngoài và công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng với một tổ chức đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

- Thể hiện tính tự chủ và tính tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong toàn bộ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, dịch vụ xã hội theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu của nhà trường.

2. Công cụ đánh giá

Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp theo hướng dẫn của Thông tư số 15/2017/TT - BLĐTBXH về việc Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp, ngày 08/6/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

3. Quy trình tự đánh giá

- Xây dựng kế hoạch tự đánh giá.

- Các đơn vị đầu mối: thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng và đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí.

- Kiểm tra minh chứng và kết quả đánh giá của các đơn vị đầu mối.

- Hoàn thành báo cáo tự đánh giá.

- Phê duyệt và công bố báo cáo tự đánh giá.

4. Phân công nhiệm vụ và tổ chức thực hiện

4.1. Xây dựng kế hoạch tự đánh giá

- Phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng chịu trách nhiệm thực hiện, xin ý kiến toàn Trường và trình Ban Giám hiệu phê duyệt.
- Thời gian hoàn thành: 07/07/2022.

4.2. Thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng và đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí

- Dựa trên cơ sở báo cáo năm 2021 đã rà soát, các phòng, khoa trong trường hoàn thiện việc thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng và đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí của bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp theo hướng

dẫn của Thông tư số 15/2017/TT - BLĐTBXH về việc Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp, ngày 08/6/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Đánh mã và sắp xếp minh chứng theo thống nhất chung của Nhà trường vào các hộp minh chứng theo từng tiêu chuẩn, tiệu chí. Phòng Khảo thí Đảm bảo chất lượng chịu trách nhiệm đề xuất, hướng dẫn các phòng, khoa thống nhất cách đánh mã, sắp xếp minh chứng.

Trách nhiệm thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng và đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí được phân công như sau:

4.2.1. Tự đánh giá trường

TT	Tiêu chí	Số tiêu chuẩn	Nhóm, cá nhân chịu trách nhiệm	Phối hợp	Chi tiết	Nhóm đánh giá chéo
1	Tiêu chí 1 - Mục tiêu, sứ mạng, tổ chức và quản lý;	12	Phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng	VPT	Tiêu chuẩn 1: VPT Tiêu chuẩn 2: P. Khảo thí-ĐBCL Tiêu chuẩn 3: P. Khảo thí-ĐBCL Tiêu chuẩn 4: VPT Tiêu chuẩn 5: VPT Tiêu chuẩn 6: VPT Tiêu chuẩn 7: P. Khảo thí-ĐBCL Tiêu chuẩn 8: P. Khảo thí-ĐBCL Tiêu chuẩn 9: P. Khảo thí-ĐBCL Tiêu chuẩn 10: P. Khảo thí-ĐBCL Tiêu chuẩn 11: P. Khảo thí-ĐBCL Tiêu chuẩn 12: VPT	
2	Tiêu chí 2 - Hoạt động đào tạo;	17	Phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng	Phòng đào tạo	Tiêu chuẩn 1: P. Đào tạo Tiêu chuẩn 2: P. Đào tạo Tiêu chuẩn 3: P. Đào tạo Tiêu chuẩn 4: P. Đào tạo Tiêu chuẩn 5: P. Đào tạo Tiêu chuẩn 6: P. Đào tạo Tiêu chuẩn 7: P. Đào tạo Tiêu chuẩn 8: P. Đào tạo Tiêu chuẩn 9: P. Khảo thí-ĐBCL	

					Tiêu chuẩn 10: P. Khảo thí-ĐBCL Tiêu chuẩn 11: P. Khảo thí-ĐBCL Tiêu chuẩn 12: P. Khảo thí-ĐBCL Tiêu chuẩn 13: P. Khảo thí-ĐBCL Tiêu chuẩn 14: P. Khảo thí-ĐBCL Tiêu chuẩn 15: P. Khảo thí-ĐBCL Tiêu chuẩn 16: P. Đào tạo Tiêu chuẩn 17: P. Đào tạo	
3	Tiêu chí 3 - Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động;	15	Văn phòng trường	Phòng đào tạo	Tiêu chuẩn 1: VPT Tiêu chuẩn 2: VPT Tiêu chuẩn 3: VPT Tiêu chuẩn 4: VPT Tiêu chuẩn 5: VPT Tiêu chuẩn 6: VPT Tiêu chuẩn 7: VPT Tiêu chuẩn 8: VPT Tiêu chuẩn 9: VPT Tiêu chuẩn 10: P. Đào tạo Tiêu chuẩn 11: VPT Tiêu chuẩn 12: VPT Tiêu chuẩn 13: VPT Tiêu chuẩn 14: P. Đào tạo Tiêu chuẩn 15: VPT	
4	Tiêu chí 4 - Chương trình, giáo trình;	15	Phòng Đào tạo	PĐT 4	Tiêu chuẩn 1: P. Đào tạo Tiêu chuẩn 2: P. Đào tạo Tiêu chuẩn 3: P. Đào tạo Tiêu chuẩn 4: P. Đào tạo Tiêu chuẩn 5: P. Đào tạo Tiêu chuẩn 6: P. Đào tạo Tiêu chuẩn 7: P. Đào tạo Tiêu chuẩn 8: P. Đào tạo Tiêu chuẩn 9: P. Đào tạo Tiêu chuẩn 10: P. Đào tạo Tiêu chuẩn 11: P. Đào tạo Tiêu chuẩn 12: P. Đào tạo Tiêu chuẩn 13: P. Đào tạo Tiêu chuẩn 14: P. Đào tạo Tiêu chuẩn 15: P. Đào tạo	
5	Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất,	15	Văn phòng trường	Các khoa	Tiêu chuẩn 1: VPT Tiêu chuẩn 2: VPT	

	thiết bị đào tạo và thư viện;				Tiêu chuẩn 3: VPT Tiêu chuẩn 4: VPT Tiêu chuẩn 5: VPT Tiêu chuẩn 6: VPT Tiêu chuẩn 7: VPT Tiêu chuẩn 8: VPT Tiêu chuẩn 9: VPT Tiêu chuẩn 10: VPT Tiêu chuẩn 11: VPT Tiêu chuẩn 12: VPT Tiêu chuẩn 13: P. Đào tạo Tiêu chuẩn 14: P. Đào tạo Tiêu chuẩn 15: P. Đào tạo	
6	Tiêu chí 6 - Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế;	5	Phòng Đào tạo	VPT 5	Tiêu chuẩn 1: P. Đào tạo Tiêu chuẩn 2: P. Đào tạo Tiêu chuẩn 3: P. Đào tạo Tiêu chuẩn 4: P. Đào tạo Tiêu chuẩn 5: P. Đào tạo	
7	Tiêu chí 7 - Quản lý tài chính;	6	Bộ phận TC -KT		Tiêu chuẩn 1: P. Tài chính Tiêu chuẩn 2: P. Tài chính Tiêu chuẩn 3: P. Tài chính Tiêu chuẩn 4: P. Tài chính Tiêu chuẩn 5: P. Tài chính Tiêu chuẩn 6: P. Tài chính	
8	Tiêu chí 8 - Dịch vụ người học;	9	Phòng CTHSSV		Tiêu chuẩn 1: P. CTHSSV Tiêu chuẩn 2: P. CTHSSV Tiêu chuẩn 3: P. CTHSSV Tiêu chuẩn 4: P. CTHSSV Tiêu chuẩn 5: P. CTHSSV Tiêu chuẩn 6: P. CTHSSV Tiêu chuẩn 7: P. CTHSSV Tiêu chuẩn 8: P. CTHSSV Tiêu chuẩn 9: P. CTHSSV	
9	Tiêu chí 9 - Giám sát, đánh giá chất lượng.	6	Phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng		Tiêu chuẩn 1: P. Khảo thí-ĐBCL Tiêu chuẩn 2: P. Khảo thí-ĐBCL Tiêu chuẩn 3: P. Khảo thí-ĐBCL Tiêu chuẩn 4: P. Khảo thí-ĐBCL Tiêu chuẩn 5: P. Khảo thí-ĐBCL	

					Tiêu chuẩn 6: P. Khảo thí-ĐBCL	
10	Giới thiệu về cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đặt vấn đề, tổng quan chung, tổng hợp kế hoạch nâng cao chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đề xuất, kiến nghị		Phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng		Phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng	

4.2.2. Tự đánh giá các chương trình đào tạo

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Nhóm công tác, cá nhân chịu trách nhiệm	Phối hợp	Chi tiết	Nhóm đánh giá chéo
1	Tiêu chí 1 - Mục tiêu, quản lý và tài chính;	3	Phòng đào tạo	TCKT 3	Tiêu chuẩn 1: P. Đào tạo Tiêu chuẩn 2: P. Đào tạo Tiêu chuẩn 3: P. Tài chính	
2	Tiêu chí 2 - Hoạt động đào tạo;	7	Phòng đào tạo		Tiêu chuẩn 1: P. Đào tạo Tiêu chuẩn 2: P. Đào tạo Tiêu chuẩn 3: P. Đào tạo Tiêu chuẩn 4: P. Đào tạo Tiêu chuẩn 5: P. Đào tạo Tiêu chuẩn 6: P. Đào tạo Tiêu chuẩn 7: P. Đào tạo	
3	Tiêu chí 3 - Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên;	8	Văn phòng trường	PĐT 4	Tiêu chuẩn 1: VPT Tiêu chuẩn 2: VPT Tiêu chuẩn 3: P. Đào tạo Tiêu chuẩn 4: VPT Tiêu chuẩn 5: VPT Tiêu chuẩn 6: VPT Tiêu chuẩn 7: VPT Tiêu chuẩn 8: VPT	

4	Tiêu chí 4 - Chương trình, giáo trình;	12	Phòng đào tạo	Các bộ môn	Tiêu chuẩn 1: P. Đào tạo Tiêu chuẩn 2: P. Đào tạo Tiêu chuẩn 3: P. Đào tạo Tiêu chuẩn 4: P. Đào tạo Tiêu chuẩn 5: P. Đào tạo Tiêu chuẩn 6: P. Đào tạo Tiêu chuẩn 7: P. Đào tạo Tiêu chuẩn 8: P. Đào tạo Tiêu chuẩn 9: P. Đào tạo Tiêu chuẩn 10: P. Đào tạo Tiêu chuẩn 11: P. Đào tạo Tiêu chuẩn 12: P. Đào tạo	
5	Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện;	8	Văn phòng trường	VPT 5 Các khoa	Tiêu chuẩn 1: VPT Tiêu chuẩn 2: VPT Tiêu chuẩn 3: VPT Tiêu chuẩn 4: VPT Tiêu chuẩn 5: VPT Tiêu chuẩn 6: P. Đào tạo Tiêu chuẩn 7: P. Đào tạo Tiêu chuẩn 8: VPT	
6	Tiêu chí 6 - Dịch vụ cho người học;	4	Phòng CTHSSV		Tiêu chuẩn 1: P.CTHSSV Tiêu chuẩn 2: P.CTHSSV Tiêu chuẩn 3: P.CTHSSV Tiêu chuẩn 4: P.CTHSSV	
7	Tiêu chí 7 - Giám sát, đánh giá chất lượng.	8	Phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng		Tiêu chuẩn 1: P. Khảo thí-ĐBCL Tiêu chuẩn 2: P. Khảo thí-ĐBCL Tiêu chuẩn 3: P. Khảo thí-ĐBCL Tiêu chuẩn 4: P. Khảo thí-ĐBCL Tiêu chuẩn 5: P. Khảo thí-ĐBCL Tiêu chuẩn 6: P. Khảo thí-ĐBCL Tiêu chuẩn 7: P. Khảo thí-ĐBCL Tiêu chuẩn 8: P. Khảo thí-ĐBCL	
8	Các phần: giới thiệu về cơ sở		Phòng Khảo thí - Đảm		Phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng	

	giáo dục nghề nghiệp, đặt vấn đề, tổng quan chung, tổng hợp kế hoạch nâng cao chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đề xuất, kiến nghị		bảo chất lượng			

- Mã minh chứng được đánh mã như sau: [AA.BB.CC]

Trong đó: AA là số tiêu chí

BB là số tiêu chuẩn

CC là số thứ tự của minh chứng

Ví dụ: minh chứng thứ 3 của tiêu chuẩn 2 trong tiêu chí 1 được đánh mã là [01.02.03]

- Thời hạn: 30/7/2022.

- Phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng chịu trách nhiệm đề xuất, trình Hội đồng tự đánh giá phê duyệt thành viên các nhóm đánh giá chéo. Thông báo thời gian, địa điểm đánh giá chéo cho các nhóm và các phòng, khoa liên quan chậm nhất vào sáng thứ Hai của tuần có đánh giá

4.2.3. Tự đánh giá hệ thống đảm bảo chất lượng: Phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng.

- Thời gian hoàn thành: 15/12/2022.

4.3. Kiểm tra minh chứng và kết quả đánh giá của các đơn vị đầu mối

- Phòng khảo thí - Đảm bảo chất lượng phân công các nhóm thực hiện kiểm tra chéo tự đánh giá của các đầu mối, rà soát toàn bộ việc lưu trữ các hộp minh chứng và đánh giá mức độ đạt được của từng tiêu chí. Thời hạn: 10/08/2022.

- Họp Hội đồng Đảm bảo chất lượng báo cáo, xin ý kiến phản biện, góp ý. Thời hạn: 20/08/2022

- Các nhóm được phân công chịu trách nhiệm bổ sung minh chứng và đánh giá mức độ đạt được của từng tiêu chuẩn, tiêu chí sau góp ý của nhóm kiểm tra. Thời hạn: 25/8/2022

4.4. Hoàn thành báo cáo tự đánh giá

- Phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng hoàn thành báo cáo tự đánh giá và các tài liệu liên quan trước 30/8/2022 trình báo cáo Ban Giám hiệu và Hội đồng đảm bảo chất lượng về kết quả đánh giá.

4.5. Phê duyệt và công bố báo cáo tự đánh giá

- Hội đồng tổ chức họp, thông báo và phê duyệt kết quả tự đánh giá.

- Thực hiện báo cáo và công bố kết quả tự đánh giá theo quy định hiện hành.

5. Kinh phí thực hiện

Kinh phí hoạt động tự đánh giá chất lượng dạy nghề được thực hiện theo quy định.

Công tác thực hiện tự đánh giá chất lượng dạy nghề là nhiệm vụ quan trọng của Nhà trường năm 2022, là một trong những tiêu chí để xếp loại, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng đơn vị, cá nhân. Đề nghị tất cả các Phòng, bộ môn, bộ phận phải tổ chức thực hiện nghiêm túc đảm bảo kế hoạch, chất lượng theo yêu cầu đề ra./.

***Nơi nhận*:**
- Ban Giám hiệu;
- Hội đồng Đảm bảo chất lượng;
- Các phòng, khoa;
- Lưu KT&ĐBCL, VPT.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ BẠCH MAI

PGS. TS Đào Xuân Cơ